TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 5 - 2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Tuấn

Bà Hoàng Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lăng Đức Lan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2026/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2026; về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: *22*/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2026/QĐST-DS, ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ma Thị M, sinh năm 1991; căn cước công dân số: 002191000424, cấp ngày: 26/3/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; có mặt.

- Bị đơn: Anh Dương Văn L, sinh năm 1991; Số định danh cá nhân: 002091009437; "vắng mặt lần 2, không có lý do".

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn P, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2025 và tại phiên toà chị Ma Thị M trình bày: Chị và anh Dương Văn L tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại ký kết hôn vào ngày 18/6/2014 tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là xã Đ, tỉnh Tuyên Quang), vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất

đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung dẫn đến hai vợ chồng thường xảy ra xô sát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị và anh L đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau, việc ai người đấy làm. Nay chị nhận thấy cuộc hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Thế A, sinh ngày 04/9/2013. Khi ly hôn chị có nguyện vọng là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Thế A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Ma Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn L vắng mặt, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án. Tòa án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho Trưởng thôn Phiến, xã Đ là ông Hoàng Văn G, ông G đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho cho anh L được biết việc chị M yêu cầu ly hôn anh L. Anh Dương Văn L nhiều lần vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các Biên bản xác minh ngày 27/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang với Trưởng thôn Phiến, xã Đ và Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND phụ trách lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch xã Đ, tỉnh Tuyên Quang nơi chị Ma Thị M và anh Dương Văn L sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Ma Thị M và anh Dương Văn L được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (Nay là xã Đ, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 18 tháng 6 năm 2014 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại thôn P, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2019 vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L hay rượu chè, không giúp vợ con làm ăn chăm lo cuộc sống gia đình, dẫn đến hai vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng anh chị cũng không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Dương Thế A, sinh ngày 04/9/2013. Hiện nay cháu đang học tại trường P. Trong thời gian anh chị sống ly thân thì chị M vẫn đảm bảo các điều

kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu A học hành, môi trường sống và giáo dục cháu hiện nay ổn định, anh L không chịu làm ăn, lười lao động, hay rượu chè, không có điều kiện, khả năng trông nom, chăm sóc cháu A. Về tài sản chung và công nợ chung, do chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên thôn và chính quyền xã không cung cấp thông tin gì thêm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Ma Thị M được ly hôn anh Dương Văn L; Về việc nuôi con chung: Giao cháu Dương Thế A, sinh ngày 04/9/2013 cho chị Ma Thị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề cập xem xét; Về án phí: Nguyên đơn là chị Ma Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, bị đơn là anh Dương Văn L không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do chị Ma Thị M có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội. Bị đơn anh Dương Văn L có nơi cư trú tại thôn P, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án thông qua trưởng thôn Phiến, anh Dương Văn L nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh L vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc chị Ma Thị M yêu cầu ly hôn. Xét thấy Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh L vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Văn L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị M và anh Dương Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/6/2014 tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang (Nay là xã Đ, tỉnh Tuyên Quang) nên hôn nhân giữa chị M và anh L là hợp pháp.

[4] Xét về tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống, thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân anh L, chị M sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2017 anh L, chị M xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung dẫn đến hai vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng anh chị cũng không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau, việc ai người đấy làm không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết, mặc dù Toà án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh L nhưng anh L vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị M. Chị miền xác định không còn tình cảm với anh L, vợ chồng sống ly thân trong thời gian rất dài nên chị M kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị M không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh L thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ma Thị M.

[5] Về việc nuôi con chung: Thời gian chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Dương Thế A, sinh ngày 04/9/2013. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị M, anh L đều là lao động tự do, hiện nay cháu A đang sống chung cùng chị M, quá trình chị M nuôi cháu A đã đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Anh tốt, anh L rượu chè, không chịu làm ăn để chăm lo cuộc sống gia đình, quá trình giải quyết Tòa án cũng đã lấy lời khai của cháu A, cháu A có nguyện vọng được ở với chị M. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu A, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao cháu A cho chị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L1 được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh L1 thực hiện quyền này.

[6] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Ma Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Ý kiến, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Ma Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ma Thị M. Chị Ma Thị M được ly hôn anh Dương Văn L.

2. Về việc nuôi con chung: Chị Ma Thị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Thế A, sinh ngày 04/9/2013 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi; anh Dương Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị M, anh L có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Ma Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai thu số: 0000166, ngày 22/01/2026.

4**. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 - Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 5 - Tuyên Quang;
- UBND xã Đồng Tâm, tỉnh Tuyên Quang nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Tuấn Vĩnh